TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **222**/2024/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 183/2024/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 06 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức A - sinh năm 1991

HKTT và trú tại: số 11 ngõ 371 đường N, phường Đ, quận Long Biên, TP. Hà Nội

Bị đơn: Chị Hoàng Thanh H, sinh năm 1994

HKTT: số 27 ngõ 306 phố T, phường N, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Trú tại: số 11 ngõ 371 đường N, phường Đ, quận Long Biên, TP. Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 06 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 06 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức A và chị Hoàng Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 25/02/2019 do Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Long Biên, thành phố Hà Nội cấp cho anh Nguyễn Đức A và chị Hoàng Thanh H không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Xác định anh Đức Anh và chị Huyền có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Hoàng D, sinh ngày 12/4/2019. Sau khi ly hôn, giao cháu Nguyễn Đức Hoàng D cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đức A có nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con là 4.000.000 *(Bốn triệu)* đồng/tháng cho đến khi cháu Dũng trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Không ai được ngăn cản quyền thăm gặp và chăm sóc con chung.

2.2. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức A phải nộp 75.000 *(Bảy mươi lăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Chị Hoàng Thanh H phải nộp 75.000 *(Bảy mươi lăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đức A chịu cả án phí. Anh Nguyễn Đức A phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí anh Đức A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, TP Hà Nội theo biên lai số: 0018765 ngày 03/6/2024. Nay chuyển thành án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên;
- UBND phường Đức Giang, quận Long Biên, TP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương Huyền

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).